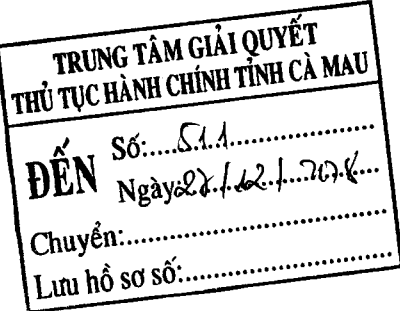


Số: 169/QĐ-VP

Cà Mau, ngày 24 tháng 12 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1208/TB-STC ngày 17/12/2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo phụ lục đính kèm.

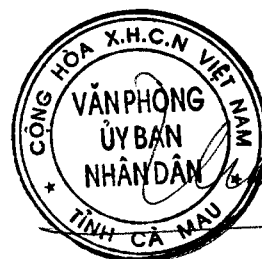
Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2019 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- CVP, PCVP (Hiền);
- P.QT-TV;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Thánh

Chương: 495



PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kính thưa Quý Ủy ban) Quyết định số: 169/QĐ-VP ngày 24/12/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Cà Mau

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban tiếp công dân tỉnh	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	Cổng Thông tin điện tử tỉnh
			Khoản 341	Khoản 341	Khoản 338	Khoản 171
A	B	1	2	3	4	5
II.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	47.722.000	37.868.000	1.256.000	5.324.000	3.274.000
1.	Chi quản lý hành chính	29.624.000	28.368.000	1.256.000		
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	10.034.000	9.278.000	756.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	19.590.000	19.090.000	500.000		
	- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hỗ trợ công tác kiểm tra đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và đề nghị biện pháp xử lý hành chính	440.000	440.000			
	- Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Văn phòng	2.945.000	2.945.000			
	- Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính	1.200.000	1.200.000			
	- Bảo trì hội trường điện tử, hội nghị trực tuyến	450.000	450.000			
	- Duy trì trang Web	40.000	40.000			
	- ISO	15.000	15.000			
	- Tiếp công dân	500.000		500.000		
	- Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	14.000.000	14.000.000			
2.	Chi sự nghiệp kinh tế	14.824.000	9.500.000		5.324.000	
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.452.000			1.452.000	
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.372.000	9.500.000		3.872.000	
	- Giải quyết thủ tục hành chính	3.872.000			3.872.000	
	- Hoàn ứng kinh phí mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	9.500.000	9.500.000			
3.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.274.000				3.274.000
3.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.942.000				1.942.000
3.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.332.000				1.332.000
	- Kinh phí bảo trì các phần mềm do Cổng Thông tin điện tử quản lý	300.000				300.000
	- Chi nhuận bút, in công báo	1.032.000				1.032.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1074621	1121321	1124753	1121319
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0961			